

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc Phê duyệt danh sách các đơn vị sử dụng và cung ứng dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2015**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Quyết định số 1379/QĐ-BNN-TCLN ngày 18/6/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố diện tích rừng thuộc lưu vực trong phạm vi hai tỉnh trở lên làm cơ sở cho việc thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Quyết định số 2487/QĐ-BNN-TCLN ngày 24/10/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố diện tích rừng thuộc lưu vực trong phạm vi hai tỉnh trở lên làm cơ sở cho việc thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Quyết định số 13/QĐ-BNN-TCLN ngày 03/01/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố diện tích rừng thuộc các lưu vực làm cơ sở thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 62/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC ngày 16/11/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 238/TTr-SNN ngày 11/11/2014 về việc Phê duyệt danh sách các đơn vị sử dụng và cung ứng dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2015,

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Phê duyệt danh sách các đơn vị sử dụng và cung ứng dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2015.

(Kèm theo danh sách)

**Điều 2.** Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, đôn đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh thực hiện các bước tiếp theo xây dựng Kế hoạch thu - chi tiền dịch vụ MTR năm 2015 đảm bảo trình tự, thủ tục, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trong tháng 12/2014.

**Điều 3.** Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh; các đơn vị có tên trong danh sách tại Điều 1; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 3;
- LĐVP, KTN, KTTH;
- Lưu: VT (0.750p) 10K

**CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Văn Trâm*



# BIỂU 1: CÁC ĐƠN VỊ SỬ DỤNG DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG TỈNH BÌNH PHƯỚC NĂM 2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 24/11/2014 của UBND tỉnh)

TT	TÊN ĐƠN VỊ	ĐỊA ĐIỂM NHÀ MÁY	CHỈ CHỤ
<b>A</b>	<b>ĐƠN VỊ SẢN XUẤT THỦY ĐIỆN</b>		
<b>I</b>	<b>Trên địa bàn tỉnh Bình Phước</b>		
1	Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (Thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam)	Khu 5 - Thị trấn Thác Mơ - Thị xã Phước Long	
2	Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn (Thuộc Tổng Công ty Sông Đà)	X. Phước thiện - TT. Thanh Bình - Huyện Bù Đốp	Theo Quyết định số 1379/QĐ-BNN-TCLN ngày 18/6/2013 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về công bố diện tích rừng thuộc lưu vực trong phạm vi hai tỉnh trở lên làm cơ sở cho việc thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng.
3	Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO (Thuộc Tổng Công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu Công nghiệp Việt Nam)	Thôn 7 - Xã Long Bình - Huyện. Bù Gia Mập	
4	Nhà máy Thủy điện Đăk Glun (Thuộc Công ty cổ phần Thiết bị phụ tùng Sài Gòn)	Thôn 5 - Xã Đường 10 - Huyện Bù Đăng.	
5	Nhà máy Thủy điện Bù Cà Mau (Thuộc Công ty TNHH TM - DV - SX Cát Nam)	Thôn Bù Cà Mau - Xã Phú Nghĩa - Bù Gia Mập	
6	Nhà máy Thủy điện Đăk U (Thuộc Công ty cổ phần Đầu tư năng lượng Phú Tân)	Xã Đăk O - Huyện. Bù Gia Mập	Theo Quyết định số 98/QĐ-UBND tỉnh ngày 18/01/2013
<b>II</b>	<b>Ngoài địa bàn tỉnh Bình Phước</b>		
1	Nhà máy thủy điện Trị An	Huyện. Vĩnh Cửu - tỉnh Đồng Nai	Theo Quyết định số 1379/QĐ-BNN-TCLN ngày 18/6/2013 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn
<b>B</b>	<b>ĐƠN VỊ SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG NƯỚC SẠCH</b>		
<b>I</b>	<b>Trên địa bàn tỉnh Bình Phước</b>		
1	Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO	Thôn 7 - Xã Long Bình - Huyện. Bù Gia Mập	Theo Quyết định số 98/QĐ-UBND tỉnh ngày 18/01/2013
2	Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước	P. Tân Phú - TX Đồng Xoài	
3	Công ty TNHH MTV Dịch vụ thủy lợi Bình Phước	Đường Lê Duẩn - P Tân Bình - TX Đồng Xoài	

<b>II</b>	<b>Ngoài địa bàn tỉnh Bình Phước</b>		
1	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH 1 TV	01 Công Trường Quốc Tế - P6 - Q3 - TPHCM	Theo Công văn số 118/VNFF-BĐH ngày 26/9/2014 của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam về Thông báo tạm giao kế hoạch điều phối tiền chi trả DVMTR năm 2015
2	Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai	48 Cách Mạng Tháng Tám - TP Biên Hoà - Đồng Nai	
3	Cty CP DV & XD Cấp nước Đồng Nai	52 CMT8 - P.Quyết thắng - TP.Biên Hòa -Đồng Nai.	
4	Nhà máy nước Dĩ An	Huyện Dĩ An - Tỉnh Bình Dương	Theo Quyết định số 2487/QĐ-BNN-TCLN ngày 24/10/2013 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về công bố diện tích rừng thuộc lưu vực trong phạm vi hai tỉnh trở lên làm cơ sở cho việc thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng.
5	Nhà máy nước Thủ Dầu Một	Tp. Thủ Dầu Một - Bình Dương	
6	Nhà máy nước Khu liên hiệp-Tân Uyên	Tỉnh Bình Dương	
7	Nhà máy nước Uyên Hưng	Tỉnh Bình Dương	
8	Nhà máy nước Thủ Đức	Quận Thủ Đức - Tp.HCM	
9	Nhà máy nước BOO Thủ Đức	Quận Thủ Đức - Tp.HCM	
10	Nhà máy nước Tân Hiệp	Quận 12 - Tp.HCM	
11	Nhà máy nước Bình An	Tp.HCM	
12	Nhà máy nước Biên Hòa	Tỉnh Đồng Nai	Theo Quyết định số 13/QĐ-BNN-TCLN ngày 03/01/2014 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về công bố diện tích rừng thuộc các lưu vực làm cơ sở thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng.
13	Nhà máy nước Hóa An	Tỉnh Đồng Nai	
14	Nhà máy nước Long Bình	Tỉnh Đồng Nai	
15	Nhà máy nước Thiện Tân	Tỉnh Đồng Nai	
<b>C</b>	<b>ĐƠN VỊ KINH DOANH DỊCH VỤ DU LỊCH</b>		
1	Ban quản lý Vườn Quốc Gia Bù Gia Mập	Xã Bù Gia Mập - Huyện Phước Long - Bình Phước	Theo Quyết định số 98/QĐ-UBND tỉnh ngày 18/01/2013
2	Công ty TNHH MTV Xây dựng Bình Phước (Khu di tích lịch sử núi Bà Rá)	Đường Hùng Vương - TX Đồng Xoài - Bình Phước	

## Biểu 2: CÁC ĐƠN VỊ CUNG ỨNG DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG NĂM 2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2527/QĐ-UBND ngày 24/11/2014 của UBND tỉnh)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Địa chỉ	Diện tích rừng cung ứng (ha)	Loại hình rừng
1	VQG Bù Gia Mập	Xã Bù Gia Mập, Huyện Bù Gia Mập	25,452	Sông Bé
2	Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé	QL 14, Xã Minh Thành, Huyện Chơn Thành	7,121.347	
	- NLT Bù Đốp	xã Phước Thiện, Huyện. Bù Đốp	6,595.734	Sông Bé
	- NLT Nghĩa Trung	xã Nghĩa Trung, Huyện. Bù Đăng	525.613	Sông Bé, Đồng Nai
3	Công ty TNHH MTV Cao su Phước Long	Thôn Phước Hòa, Xã Bình Tân, Huyện Bù Gia Mập	6,785.5	
	- NLT Đăk Mai	xã Đăk O, Huyện. Bù Gia Mập	6,785.5	Sông Bé
4	Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riêng	Xã Phú Riêng, Huyện Bù Gia Mập	2,735.7	
	- NLT cao su Đồng Nai	thôn 7, xã Đồng Nai, Huyện. Bù Đăng	2,735.7	Sông Đồng Nai
5	Hạt kiểm lâm Thị xã Phước Long	Đường ĐT 741, P Sơn Giang, TX Phước Long	710.2	Sông Bé
6	Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước	Trần Văn Trà, Phường Tân Phú, Thị xã Đồng Xoài	5,978.6	
	- NLT Đồng Xoài	Xã Tân Phước, Huyện. Đồng Phú	1,212.42	Sông Mã Đà
	- NLT Tân Lập	Xã Tân Hòa, Huyện. Đồng Phú	3,538.65	Sông Mã Đà
	- NLT Đồng Tâm	xã Đồng Tâm, Huyện Đồng Phú	164.56	Sông Mã Đà
	- NLT Lam Sơn 3	Huyện. Đồng Phú	1,062.97	Sông Mã Đà
7	BQLRPH Bù Gia Phức	xã Phú Nghĩa, Huyện. Bù Gia Mập	362.58	Sông Bé
8	VQG Cát Tiên	Xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai	4,070.09	Sông Đồng Nai
9	Trung tâm ứng dụng khoa học kỹ thuật Lâm nghiệp Nam Bộ (Viện KHLN Nam Bộ)	591/2 Lê Hồng Phong, P.Phú Hòa, TP.TDM, tỉnh Bình Dương	101.72	Sông Mã Đà
<b>Tổng cộng</b>			<b>53,317.737</b>	